

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn

2. Ông Nguyễn Xuân Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa: Bà Hoàng Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Kiên C – Sinh năm: 1957(có mặt).

Địa chỉ: Thôn DQ, xã TC, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Bà Phùng Thị K - Sinh năm: 1961(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn DQ, xã TC, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Kiên C trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phùng Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua thời gian tìm hiểu và tổ chức báo cáo hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND xã TC ngày 10/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn DQ, xã TC, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống nên ông về ở với mẹ đẻ ở thành phố Thanh Hóa, cứ mỗi tuần ông về với vợ con một lần. Đến năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng ông đã 02 lần gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa để giải quyết ly hôn nhưng sau đó vì nhiều lý do nên đã rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, cuộc sống chung không còn tồn tại, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà K, cuộc sống chung không còn tồn tại,

mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà K càng sớm càng tốt để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Kiên T, sinh ngày 07/7/2003 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bà Phùng Thị K. Bà K đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, bà Kim không có ý kiến gì. Bà K không đến Tòa án để tự khai cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Mặc dù đã được giao thông báo hợp lệ nhưng bà K không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại gia đình và địa phương cung cấp thể hiện: Hiện nay ông Phạm Kiên C và bà Phùng Thị K là công dân đang cư trú tại thôn DQ, xã TC, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Về hôn nhân: ông C và bà K kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã TC vào năm 2012. Quá trình chung sống ông C, bà K bình thường. Ông C, bà K đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó lại đoàn tụ. Đến năm 2022 thì ông C, bà K sống ly thân. Việc ông C, bà K có mâu thuẫn như thế nào và nguyên nhân dẫn đến việc ông C xin ly hôn thì chính quyền địa phương không nắm bắt được. Nay ông C xin ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Về con chung: ông C, bà K có 01 con chung là Phạm Kiên T sinh ngày 07/7/2003. Hiện nay cháu T đã thành niên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ: chính quyền địa phương không nắm bắt được ông Cường, bà Kim có tài sản chung hay công nợ chung không. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, về con chung; về tài sản và công nợ vợ chồng không yêu cầu giải quyết. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 51; 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227; 228; 271; 273; 278; 280 BLTTDS; Điều 6; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đề nghị của ông Phạm Kiên C xin ly hôn bà Phùng Thị K.

Về con chung: Ông C và bà Kim có 01 con chung là Phạm Kiên T, sinh ngày 07/7/2003 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.
Về án phí: Ông Phạm Kiên C là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Phạm Kiên C và bà Phùng Thị K là Tranh chấp về Ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn DQ, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Phùng Thị K vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 BLTTDS để giải quyết vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân*: Ông Phạm Kiên C và bà Phùng Thị K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, ông Cường ở nhà mẹ đẻ hàng tuần mới về 01 lần với vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bắt đầu sống ly thân từ năm 2018, sau đó vợ chồng quay lại đoàn tụ đến năm 2022 thì chính thức sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà K, tuy nhiên sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, bà K không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được, điều đó chứng tỏ bà K không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, quá trình vợ chồng chung sống đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa. Việc ông C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thực trạng hôn nhân phù hợp với xác minh tình trạng hôn nhân ông C, bà K tại địa phương. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông C được ly hôn bà Kim là phù hợp.

* *Về con*: Ông C và bà K có 01 con chung là Phạm Kiên T, sinh ngày 07/7/2003 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

* *Về tài sản*: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* *Về công nợ*: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Phạm Kiên C là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12; 14; 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Phạm Kiên C được ly hôn bà Phùng Thị K.
2. Về con chung: Công nhận anh Phạm Kiên T, sinh ngày 07/7/2003 là con chung của ông C và bà K. Hiện nay anh T đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết
3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Ông Phạm Kiên C được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông C được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0006158 ngày 14/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.
4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa;
- UBND xã TC;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Liên